

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2519 /UBND-TH

Bình Định, ngày 05 tháng 04 năm 2024

V/v xác định số tăng thu
ngân sách địa phương năm
2023 để thực hiện cải cách
tiền lương

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngày 26/3/2024, Bộ Tài chính có công văn số 3118/BTC-NSNN về việc nguồn thu ngân sách địa phương năm 2023 dành để thực hiện chính sách tiền lương, theo đó, Bộ Tài chính xác định phần tăng thu ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Bình Định dành để tính nguồn thực hiện cải cách tiền lương là 618.420 triệu đồng.

Tuy nhiên, sau khi rà soát (số liệu thu ngân sách địa phương năm 2023 đến ngày 30/3/2024), địa phương xác định phần tăng thu ngân sách địa phương năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 608.527 triệu đồng, thấp hơn số Bộ Tài chính thông báo là 9.893 triệu đồng (=618.420 triệu đồng – 608.527 triệu đồng). Nguyên nhân là do địa phương xác định tăng thêm một số khoản thu không tính tăng thu để thực hiện cải cách tiền lương với số tiền 9.893 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Thu hồi hồi các khoản chi năm trước số tiền 1.171 triệu đồng (bao gồm kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền 1.159 triệu đồng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội số tiền 12 triệu đồng *(có các chứng từ kèm theo)*). Đối với khoản thu hồi chính sách này địa phương tiếp tục theo dõi thực hiện và báo cáo quyết toán với Bộ Tài chính trong năm 2024.

- Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất chi bồi thường, giải phóng mặt bằng thực tế địa phương cao hơn số liệu Bộ Tài chính đã tổng hợp tại Công văn số 3118/BTC-NSNN nêu trên là 7.356 triệu đồng *(chi tiết phụ lục II và chứng từ kèm theo)*.

- Khoản thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư số tiền 1.366 triệu đồng *(phản ánh tại thu từ bán và thanh lý tài sản khác, có Quyết định kèm theo)*.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính quan tâm, xem xét thẩm định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC I
TÀNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /4/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Bộ Tài chính thông báo tại Công văn số 3118/BTC-NSNN ngày 26/3/2024	Địa phương báo cáo (số liệu đến ngày 30/3/2024)	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	<u>Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2023</u>	<u>9.988.700</u>	<u>9.988.700</u>	
	<i>Trong đó: tổng số các khoản loại trừ khi tính CCTL gồm:</i>	<i>4.270.000</i>	<i>4.270.000</i>	
1	Thu tiền sử dụng đất	4.050.000	4.050.000	
2	Thu xổ số kiến thiết	120.000	120.000	
3	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	34.000	34.000	
4	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	60.000	60.000	
5	Thu tiền bán, cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	3.000	3.000	
6	Tiền bảo vệ đất trồng lúa			
7	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	3.000	3.000	
B	<u>Thực hiện thu ngân sách địa phương năm 2023</u>	<u>18.678.493</u>	<u>18.628.107</u>	
I	<u>Tổng số các khoản không tính cân đối ngân sách địa phương</u>	<u>7.007.494</u>	<u>6.958.743</u>	
1	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP	80.895	81.021	
2	Thu viện trợ	2.529	3.418	
3	Thu từ các khoản huy động, đóng góp	41.108	42.636	
4	Vay của ngân sách nhà nước	120.958	120.958	
5	Tạm thu	51.294		
6	Thu chuyển nguồn	6.710.710	6.710.710	
II	<u>Thu cân đối ngân sách địa phương còn lại (II)=(B)-(I)</u>	<u>11.670.999</u>	<u>11.669.364</u>	
	<i>Trong đó: Tổng số các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL, gồm</i>	<i>5.333.879</i>	<i>5.342.136</i>	
1	Thu tiền sử dụng đất	4.954.051	4.953.678	
2	Thu xổ số kiến thiết	142.372	142.372	
3	Thu hồi vốn của nhà nước tại các tổ chức kinh tế	1.327	1.327	
4	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	51.733	51.725	
5	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã (không bao gồm thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất công tại xã)	59.806	58.552	
6	Thu tiền bán, cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	61.230	61.230	
7	Thu hồi khoản chi năm trước đã hoàn trả ngân sách cấp trên hoặc bố trí để thực hiện các mục tiêu theo kiến nghị của thanh tra, kiểm toán		1.171	
8	Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	58.449	58.449	
9	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	4.911	4.911	
10	Ghi thu, ghi chi tiền BT, GPMB từ nguồn thu tiền thuê đất		7.356	Có Danh sách và Chứng từ kèm theo
11	Thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định;		1.366	Có Danh sách và Quyết định chi đầu tư kèm theo
C	<u>Tăng thu ngân sách địa phương năm 2023 (không kể các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL) so với dự toán 2023 dành để thực hiện CCTL</u>	<u>618.420</u>	<u>608.527</u>	

PHỤ LỤC II

Danh sách ghi thu, ghi chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền thuê đất và Thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư

(Phụ lục kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /4/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	8.721.669.913	
I	Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất hàng năm	7.356.013.135	
1	Thành phố Quy Nhơn	280.759.259	
	Công ty Cổ phần Đầu tư Thanh Linh Quy Nhơn	214.008.965	
	Công ty Cổ phần Đầu tư Bách Khang	66.750.294	
2	Thị xã An Nhơn	3.543.854.357	
	Công ty TNHH sản xuất, thương mại GMT	35.798.800	
	Cơ sở sản xuất Ông Trần Văn Hiền	2.713.125	
	Công ty TNHH sản xuất và TM Trọng Phát	30.013.060	
	Công ty TNHH TM khoáng sản Tấn Phát	25.652.242	
	Công ty TNHH MTV ĐT & PT kho bãi Nhơn Tân	1.453.200.144	
	Cơ sở sản xuất Ông Trà Đình Thứ	9.501.096	
	Công ty TNHH XNK Hà Thanh	13.019.700	
	Công ty TNHH ĐTXD và TMDV Yến Tùng	137.088.450	
	Công ty TNHH Tân An Land	513.635.200	
	Công ty TNHH Tân An Land	110.309.300	
	Cơ sở sản xuất Ông Bùi Thị Mỹ Dung	8.968.320	
	Công ty TNHH Seldat Việt Nam	52.790.800	
	DNTN Dịch vụ Đức Thủy	23.332.500	
	Khu đô thị dọc hai bên đường liên phường Bình Định	64.987.700	
	Công ty TNHH đầu tư BOT Bình Định	852.759.000	
	Công ty TNHH TM và DV TH Viễn Thuận Phát 5	210.084.920	
3	Tuy Phước	2.811.133.926	
	Công ty cổ phần chế biến gỗ xuất khẩu Bông Hồng	2.811.133.926	
4	Tây Sơn	70.225.229	
	Tập đoàn viễn thông Việt Nam	2.755.680	
	Công ty CP Hàm Hô Rosa	32.244.173	
	Công ty TNHH XDTH Hiếu Ngọc	18.809.856	
	Công ty TNHH Bình Tường	16.415.520	

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
5	Phù Cát	264.941.154	
	Công ty TNHH Onsen Hội Vân	264.941.154	
6	Huyện Phù Mỹ	26.702.543	
	Công ty TNHH khoán sản Thành An	15.400.000	
	Cơ sở chăn nuôi của ông Nguyễn Thanh Tòng	484.400	
	Công ty TNHH lâm nghiệp Duy Hoàng	4.860.443	
	Công trình dự án sản xuất giống Nông - Lâm nghiệp	813.000	
	DNTN Xăng dầu Tấn Phát	5.144.700	
7	Huyện Hoài Nhơn	214.759.340	
	Công ty TNHH sản xuất Việt Hưng	19.658.922	
	Công ty TNHH xây dựng Hoàng Khanh	25.620.000	
	Công ty TNHH Gas Phú Quang	14.280.000	
	Công ty cổ phần may Hoài Hương	1.297.100	
	Công ty cổ phần may mặc Khánh Toàn	13.853.788	
	Công ty TNHH Xây dựng Văn Thiện	2.824.728	
	Công ty TNHH MTV TM và DVVT An Thành Đạt	12.317.214	
	Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất hàng năm tại thôn Diên Khánh	4.939.031	
	Công ty TNHH Nhân Hòa	7.524.000	
	Công ty TNHH TM-DV tổng hợp Đức Duy	13.695.990	
	Công ty TNHH DVCV	43.983.542	
	Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất hàng năm tại xã Hoài Tân	1.145.220	
	Công ty cổ phần may Hoài Sơn	7.097.606	
	Công ty TNHH Đại Lộc Coconut	13.695.990	
	Công ty TNHH TM Hoàng Phúc	14.728.653	
	Công ty TNHH TM và DV Bảo Phong	18.097.556	
8	Huyện Vĩnh Thạnh	143.637.327	
	Khu chăn nuôi tập trung Vĩnh Thạnh	44.069.449	
	Khu du lịch sinh thái Hồ Định Bình	99.567.878	
II	Thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư	1.365.656.778	
1	Huyện Vĩnh Thạnh	1.365.656.778	